

KHAI THÁC NGUỒN LỰC VĂN HÓA TRONG PHÁT TRIỂN DU LỊCH Ở CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC

NGUYỄN THỊ HOÀI THANH*

Miền núi phía Bắc là địa bàn chiến lược đặc biệt quan trọng của nước ta. Nơi đây có nguồn lực văn hóa đa dạng, phong phú, đặc sắc, đã và đang trở thành tài sản quan trọng để phát triển du lịch. Bài viết tập trung làm rõ các nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch; từ đó đề xuất giải pháp khai thác có hiệu quả nguồn lực này trong phát triển du lịch, đưa du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, góp phần quan trọng vào phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn.

Từ khóa: Nguồn lực văn hóa; miền núi phía Bắc; phát triển du lịch.

The Northern mountainous area is a particularly important strategic part of the country. This region has diverse, rich, and unique cultural resources, which have become an important asset for tourism development. The article focuses on clarifying cultural resources in tourism development; thereby proposing solutions to effectively exploit these resources in tourism development, turning this industry into a key economic sector in order to contribute to the socio-economic development in the area.

Keywords: Cultural resources; Northern mountainous area; tourism development.

NGÀY NHẬN: 16/9/2023

NGÀY PHẢN BIỆN, ĐÁNH GIÁ: 18/10/2023

NGÀY DUYỆT: 17/11/2023

DOI: <https://doi.org/10.59394/qlnn.334.2023.696>

1. Đặt vấn đề

Miền núi phía Bắc là vùng đất có bề dày lịch sử với nhiều di sản văn hóa đặc sắc, nhất là di sản văn hóa của đồng bào các dân tộc thiểu số; đồng thời là “cội nguồn dân tộc” và là “cái nôi của cách mạng Việt Nam”.

Thực hiện chủ trương “Phát triển du lịch thực sự trở thành ngành kinh tế mũi nhọn... Chú trọng phát triển du lịch văn hóa, gắn phát triển du lịch với bảo tồn, phát huy giá trị di sản và bản sắc văn hóa dân tộc”¹, những năm qua, các tỉnh miền núi phía Bắc đã chú trọng khai thác có hiệu quả tài nguyên nhân

văn đa dạng, phong phú, độc đáo để phát triển kinh tế du lịch, tạo động lực phát triển bền vững kinh tế - xã hội, cải thiện và nâng cao đời sống của đồng bào nơi đây.

2. Nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch ở các tỉnh miền núi phía Bắc

Miền núi phía Bắc có hệ thống di tích gắn liền với lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc ta. Các di sản văn hóa phong phú là cơ sở để nơi đây phát triển các sản

* ThS, Trường Ngoại ngữ, Đại học Thái Nguyên

phẩm du lịch, như: tìm hiểu chiến khu Việt Bắc (tham quan, tìm hiểu di tích cách mạng, giáo dục truyền thống cách mạng từ ATK Tân Trào (Tuyên Quang) đến ATK Định Hóa (Thái Nguyên), quần thể di tích lịch sử Pác Bó (Cao Bằng), cụm di tích Bác Hồ với Chiến dịch Biên giới (năm 1950), Khu di tích chiến thắng Đông Khê, Khu di tích quốc gia đặc biệt rừng Trần Hưng Đạo (Cao Bằng)...

Đặc biệt, suốt quá trình sinh tồn và phát triển, hơn 30 dân tộc anh em² đang sinh sống trên địa bàn đã sáng tạo, bồi đắp và lưu truyền những nét văn hóa độc đáo. Những giá trị văn hóa của các dân tộc thiểu số, như: phong tục tập quán, tín ngưỡng, đời sống tâm linh, lễ hội, ẩm thực, trang phục đã và đang hình thành nên những sản phẩm du lịch đặc trưng mang sắc thái riêng của văn hóa bản địa, ví dụ: chiếc khăn Piêu cùng điệu múa xòe của các cô gái Thái; lễ hội nhảy lửa gửi gắm mong ước về một năm mới bình yên, mưa thuận gió hòa, mùa màng bội thu của các chàng trai người Dao đỏ ở Hoàng Su Phì...

Những nét văn hóa đặc sắc đó là cơ sở để phát triển các sản phẩm du lịch, như: tham quan, tìm hiểu bản làng, văn hóa các dân tộc; ngắm cảnh theo mùa nông nghiệp (các mùa hoa, ruộng bậc thang); thưởng thức ẩm thực địa phương (các món ẩm thực các dân tộc Mường, Thái, Tày, Dao,...) với những nét đặc trưng, khác biệt so với vùng khác.

Văn hóa nông nghiệp của các tộc người với nhiều nét riêng là cơ sở để tổ chức các hoạt động trải nghiệm hấp dẫn, thú vị. Du khách có cơ hội trải nghiệm các công việc như: dệt vải, làm công việc đồng áng tùy theo mùa vụ. Từ các sản phẩm nông nghiệp đa dạng cùng với sự khéo léo, tinh tế qua cách chế biến các món ăn truyền thống của người dân đã tạo nên lợi thế để phát triển du lịch ẩm thực.

Những bài thuốc quý, hiếm và các điểm suối khoáng nóng, bùn khoáng, khí hậu ôn hòa, mát mẻ,... là lợi thế để phát triển loại hình du lịch chữa bệnh, chăm sóc sức khỏe. Có thể kể đến du lịch chăm sóc sức khỏe trên cơ sở khai thác nước khoáng, nước nóng, khoáng bùn tự nhiên, như: khu du lịch suối khoáng nóng Mỹ Lâm - Tuyên Quang được tập đoàn Vinpearl đầu tư, khu du lịch suối khoáng nóng Thanh Thủy ở tỉnh Phú Thọ, được tập đoàn YoKo đầu tư khai thác theo mô hình Onsen của Nhật Bản...

Đặc biệt, thiên nhiên hùng vĩ là điều kiện thuận lợi để phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng, MICE, thể thao, khám phá hang động mạo hiểm. Những thác nước hùng vĩ như thác Bản Giốc, thác Dải Yếm; các hang động như hang Pắc Pó,... có sức hấp dẫn để du khách tham quan, đi bộ, đi thuyền, lội suối, trải nghiệm cảnh quan hùng vĩ, khám phá hang động. Địa hình hiểm trở và đa dạng với những đỉnh Fansipan, đỉnh Tây Côn Lĩnh, Bạch Mộc Lương Tử...; những đường đèo ngoạn mục, như: Mã Pì Lèng, đèo Pha đin, đèo Khâu Phạ... thách thức những du khách đam mê và yêu thích vẻ đẹp thiên nhiên hùng vĩ.

Sự hòa quyện giữa con người, bản làng và thiên nhiên tạo nên một không gian văn hóa riêng không lẫn với bất cứ khu vực nào trong cả nước đã và đang trở thành nguồn lực đặc biệt quan trọng để các tỉnh miền núi phía Bắc phát triển kinh tế du lịch. Các hình thức du lịch đa dạng, phong phú này không chỉ khơi dậy và phát huy các giá trị văn hóa mà còn tạo việc làm, nâng cao đời sống của nhân dân, góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

3. Một số giải pháp nhằm tiếp tục khai thác có hiệu quả nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch ở các tỉnh miền núi phía Bắc

Một là, nâng cao nhận thức, đổi mới tư

duy phát triển, chú trọng khai thác nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch.

Đổi mới nội dung, đa dạng hóa hình thức tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức của các lực lượng, các tổ chức có liên quan và toàn dân về tầm quan trọng của văn hóa, khai thác nguồn lực văn hóa cho phát triển du lịch. Trên cơ sở đó, quán triệt và thực hiện chủ trương của Đảng, chú trọng “Đổi mới tư duy phát triển, nhất là về liên kết vùng; về cơ chế, chính sách đặc thù; về phân bổ nguồn lực; về nguồn nhân lực và tiềm năng, lợi thế nhằm khai thác tối đa tiềm năng, lợi thế của vùng; giải quyết các vấn đề trọng điểm quốc gia tại vùng; các vấn đề liên ngành, liên vùng”³, trong đó có đổi mới tư duy bảo tồn và phát huy nguồn lực văn hóa, phát triển du lịch trên nền tảng văn hóa bản địa. Đặc biệt, cần coi nguồn lực văn hóa là chìa khóa để phát triển du lịch trở thành ngành kinh tế mũi nhọn, là động lực quan trọng để phát triển xanh và bền vững.

Hai là, gắn kết chặt chẽ giữa gìn giữ, phát huy nguồn lực văn hóa với bảo tồn thiên nhiên trong phát triển kinh tế du lịch.

Thường xuyên gắn kết giữa khai thác với bảo tồn tài nguyên nhân văn, tài nguyên tự nhiên; dựa vào tiềm năng, lợi thế về văn hóa và thiên nhiên để phát triển các sản phẩm du lịch đặc trưng, chủ đạo. Đặc biệt, gắn kết giữa “Ưu tiên bảo tồn và phát huy giá trị các di sản thế giới, di sản quốc gia (đặc biệt), di tích lịch sử cách mạng, các di sản văn hóa tiêu biểu đặc trưng vùng và đồng bào dân tộc thiểu số”⁴ với “Phát triển các sản phẩm du lịch chủ đạo; nâng cao chất lượng các tuyến du lịch, đẩy mạnh liên kết hoạt động du lịch giữa các tỉnh trong vùng”⁵. Đồng thời, đầu tư khôi phục, tái hiện những lễ hội truyền thống, những giá trị văn hóa riêng có của các dân tộc thiểu số, tôn vinh các giá trị văn hóa tốt đẹp để đa dạng hóa các sản

phẩm du lịch. Tăng cường liên kết vùng trong xây dựng và tổ chức các hoạt động du lịch văn hóa, bảo đảm khai thác có hiệu quả các sản phẩm du lịch của từng địa phương với hình thành, khai thác các sản phẩm du lịch đặc trưng, tiêu biểu của vùng, phát triển “chuỗi liên kết phát triển du lịch”.

Ba là, nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý nhà nước trong khai thác nguồn lực văn hóa vào phát triển du lịch.

Tiếp tục hoàn thiện cơ chế, chính sách bảo tồn văn hóa, phát triển du lịch, bảo vệ môi trường sinh thái. Xây dựng chiến lược, kế hoạch phát triển du lịch văn hóa, tâm điểm là kết hợp giữa du lịch với các dịch vụ phù hợp với điều kiện thực tế của từng địa phương. Tổ chức các hoạt động văn hóa, du lịch chặt chẽ, hiệu quả; tăng cường kiểm tra, giám sát hoạt động khai thác di sản văn hóa vào phát triển du lịch; xây dựng quy chế phối hợp quản lý du lịch giữa ngành du lịch, chính quyền địa phương và các ngành, lĩnh vực liên quan. Tiếp tục triển khai và đưa vào hoạt động có hiệu quả Đề án phát triển du lịch thông minh; xây dựng bộ nhận diện thương hiệu du lịch nhằm quảng bá, tạo ra sự nhất quán, đồng bộ về hình ảnh sản phẩm du lịch (logo, slogan). Xây dựng cơ chế khuyến khích các tổ chức, cá nhân đầu tư xây dựng hệ thống quầy hàng trưng bày và bán sản phẩm hàng lưu niệm, quà tặng du lịch của địa phương. Đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, cải thiện môi trường đầu tư, đơn giản hóa thủ tục cấp chứng nhận đầu tư du lịch và các thủ tục liên quan đến hoạt động kinh doanh du lịch.

Bốn là, huy động vốn đầu tư, chú trọng ứng dụng khoa học - công nghệ vào khai thác nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch.

Đẩy nhanh tiến độ thu hút đầu tư, huy động mọi nguồn lực, trong đó ưu tiên nguồn vốn ngân sách để đầu tư phát triển kết cấu

hạ tầng, đặc biệt là các tuyến đường giao thông kết nối các khu, điểm du lịch. Xây dựng và huy động các nguồn lực để tổ chức thực hiện các chương trình, kế hoạch bảo tồn, phát huy các giá trị văn hóa phục vụ cho phát triển du lịch.

Phối hợp, liên kết với các chương trình, đề án, dự án đang triển khai của các ngành lĩnh vực khác để cùng phát triển như: chương trình xây dựng nông thôn mới; chương trình OCOP gắn với du lịch cộng đồng, nông nghiệp, nông thôn. Bảo tồn, tôn tạo và phát huy các di tích lịch sử văn hóa và các giá trị văn hóa truyền thống, lễ hội dân gian phục vụ du lịch, phát triển du lịch và bảo vệ môi trường. Phát triển công nghiệp văn hóa, ứng dụng kỹ thuật, công nghệ trong xây dựng và quảng bá các sản phẩm văn hóa. Chú trọng việc quảng bá các di sản văn hóa, sản phẩm du lịch thông qua các kênh “review” du lịch trên mạng xã hội (facebook, youtube), cổng thông tin du lịch thông minh. Khuyến khích sử dụng năng lượng sạch, tái tạo; áp dụng mô hình “3R” trong các cơ sở dịch vụ du lịch; hỗ trợ người dân tại các điểm du lịch cộng đồng, du lịch nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao vào sản xuất và tổ chức trải nghiệm du lịch cho du khách.

Năm là, phát huy vai trò của chủ thể văn hóa trong khai thác nguồn lực văn hóa vào phát triển du lịch.

Các hoạt động du lịch văn hóa cần huy động sự tham gia chủ động, tích cực của đồng bào các dân tộc thiểu số và đem lại lợi ích thiết thực cho đồng bào, góp phần nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống cho đồng bào. Đồng thời, khuyến khích đồng bào bảo vệ không gian văn hóa nhất là bảo vệ các vùng chè, danh lam, thắng cảnh có liên quan, các làng nghề, khu du lịch sinh thái... nhằm bảo đảm phát triển một cách bền vững, tránh làm tổn hại đến môi trường tự

nhiên, môi trường sống. Thường xuyên chú trọng đào tạo nhân lực nòng cốt cho bảo tồn, phát huy giá trị văn hóa, có chính sách khuyến khích đối với các nghệ nhân trao truyền di sản văn hóa; phong tặng danh hiệu nghệ nhân ưu tú, nghệ nhân nhân dân, khuyến khích giới trẻ tiếp thu các di sản văn hóa dân tộc. Khuyến khích doanh nghiệp tham gia đào tạo nhân lực làm du lịch; đặc biệt là đội ngũ hướng dẫn viên, thuyết minh viên du lịch và cộng đồng dân cư tham gia kinh doanh du lịch.

Kết hợp giữa “xây” và “chống” trong quá trình xây dựng đời sống văn hóa mới, bảo tồn các giá trị văn hóa truyền thống, chủ động phòng ngừa, ngăn chặn văn hóa ngoại lai hoặc phục hồi văn hóa truyền thống một cách máy móc, góp phần khơi dậy và phát huy có hiệu quả nguồn lực văn hóa trong phát triển du lịch □

Chú thích:

1. Quyết định số 147/QĐ-TTg ngày 22/01/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2030.

2. Toàn văn bài Phát biểu của Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị quán triệt, triển khai Nghị quyết số 11 của Bộ Chính trị. <https://www.qdnd.vn>, ngày 15/4/2022.

3, 4, 5. Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 10/02/2022 của Bộ Chính trị (khóa XIII) về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh ở vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045.

Tài liệu tham khảo:

1. Đảng Cộng sản Việt Nam. Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII. Tập I. H. NXB Chính trị quốc gia Sự thật, 2021.

2. Nguyễn Thị Thu Phương. Những vấn đề lý luận và thực tiễn về sức mạnh mềm văn hóa Việt Nam. Đề tài Khoa học công nghệ cấp Nhà nước, cơ quan chủ trì Viện Văn hóa Nghệ thuật quốc gia Việt Nam, mã số KX.01/16-20, Hà Nội, 2020.